



KHUYẾN CÁO VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG XE CHUYÊN DỤNG KHUNG GÀM ISUZU



Mục Lục

<u>Quy trình 7 bước kiểm tra xe</u>	2
<u>Các loại đèn cảnh báo & xử lý tình huống</u>	3
<u>Vị trí vô mở gâm xe</u>	4
<u>Hướng dẫn vận hành bộ trích công suất (PTO)</u>	5
<u>Khuyến cáo về nhiên liệu (dầu diesel)</u>	6
<u>Các hạng mục cần kiểm tra và thay thế định kỳ</u>	7
<u>Lưu ý đối với xe ít vận hành</u>	10

PHÍA TRƯỚC

- Tình trạng kính chiếu hậu, kính cửa và kính chắn gió
- Tình trạng cần gạt nước, nút xịt nước rửa kính
- Tình trạng bên ngoài các đèn phía trước

6

BÊN PHẢI/ TRƯỚC

- Tình trạng bình nhiên liệu (rò rỉ, đai giữa thùng, nắp bình nhiên liệu)
- Tình trạng dầu trợ lực lái
- Tình trạng lọc gió
- Tình trạng nhíp & giảm chấn
- Áp suất và tình trạng lốp
- Tình trạng bulong đai ốc bánh xe

5

BÊN PHẢI/ SAU

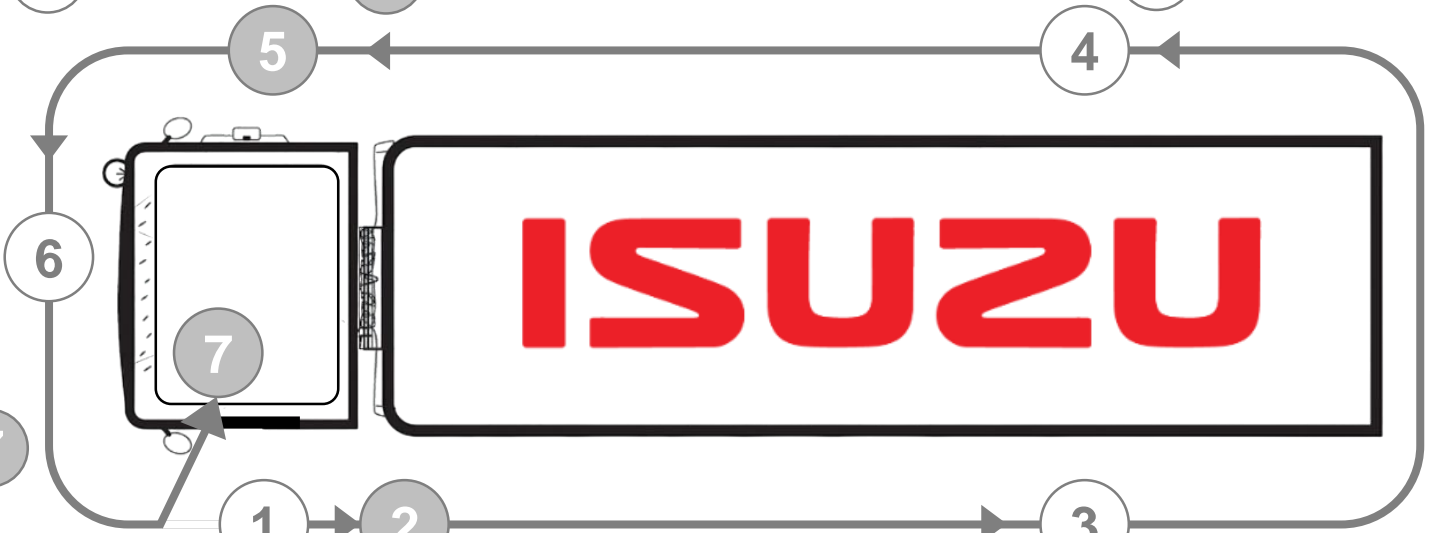
- Áp suất lốp và tình trạng bánh xe dự phòng
- Tình trạng bên ngoài các đèn phía sau
- Tình trạng nhíp & giảm chấn
- Áp suất lốp, tình trạng lốp & bulong đai ốc

4

TRONG CABIN

- Lượng dầu phanh
- Độ rơ của bàn đạp phanh, ly hợp, chân ga
- Tình trạng các dây đai an toàn, ghế tài xế
- Hoạt động của phanh tay, vô lăng và còi
- Tình trạng hiển thị trên đồng hồ taplo
- Hoạt động của các đèn đầu ở mỗi chế độ, xi nhan, đèn phanh, lùi, biển số và thùng.
- Hoạt động của gạt nước tại mỗi chế độ, hoạt động nút xịt nước rửa kính
- Hoạt động của hệ thống nâng hạ kính
- Khởi động động cơ & kiểm tra khả năng vận hành

7



NÂNG CABIN

- Kiểm tra tổng quan bên ngoài & trong cabin xe trước khi nâng cabin lên
- Kiểm tra rò rỉ nhớt, dung dịch, nhiên liệu và tình trạng các đường ống, giắc cắm điện
- Kiểm tra mức nhớt động cơ, nước làm mát, nắp két nước
- Tình trạng của các dây đai truyền động

1

BÊN TRÁI/ TRƯỚC









- Tình trạng rotuyn thanh lái dọc/ ngang
- Tình trạng nhíp & giảm chấn
- Áp suất lốp và tình trạng lốp
- Tình trạng bulong đai ốc bánh xe
- Tình trạng hộp relay
- Xả nước trong lọc nhiên liệu

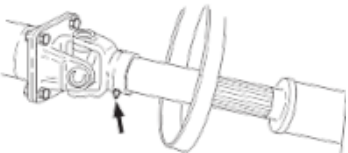
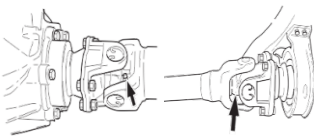
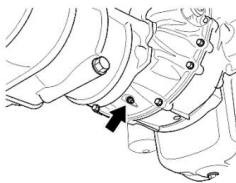
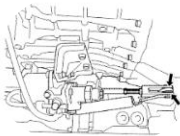
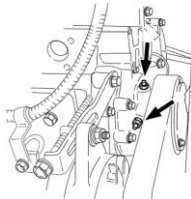
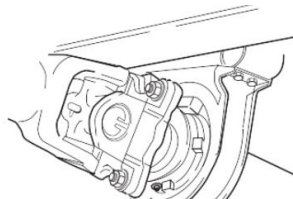
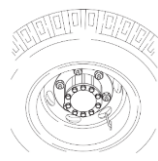
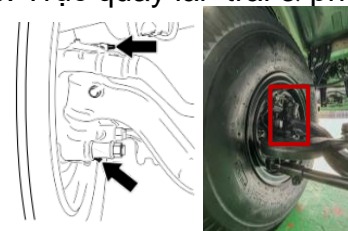
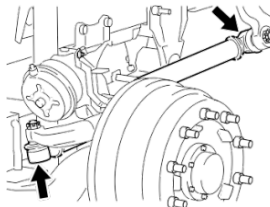
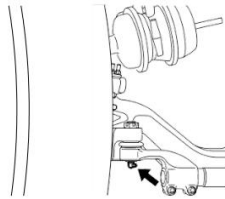
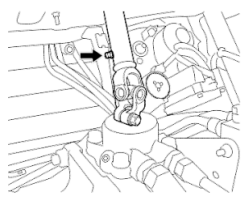
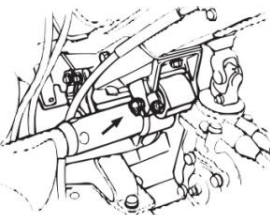
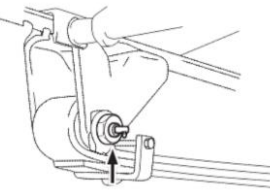
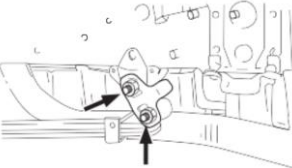
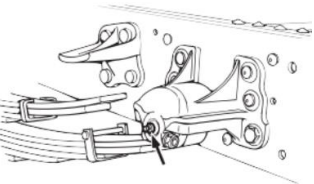
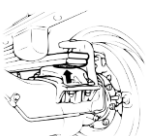
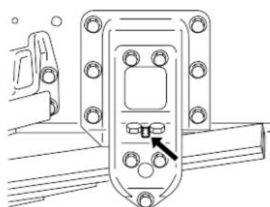
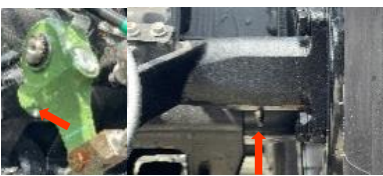
2

BÊN TRÁI/ SAU

- Tình trạng bình ắc quy và cọc bình
- Tình trạng rò rỉ nhớt hộp số, nhớt cầu
- Tình trạng các khớp trục các đăng
- Tình trạng nhíp & giảm chấn
- Áp suất lốp, tình trạng lốp & bulong đai ốc

3

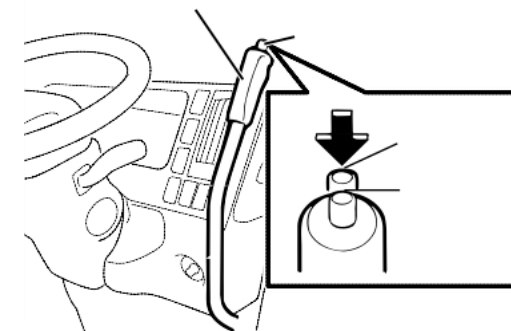
Loại đèn	Hướng dẫn xử lý	Loại đèn	Hướng dẫn xử lý
<p>1</p>  <p>Kiểm tra động cơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ☉ Lái xe vào nơi an toàn, kéo phanh tay và bật đèn khẩn cấp ☉ Giữ động cơ hoạt động cầm chừng 3-5 phút ☉ Sau đó tiến hành tắt động cơ ☉ Kiểm tra các bất thường trên xe (hệ thống điện, giắc cắm, đường dây điện, tình trạng lọc gió, lọc nhiên liệu...) ☉ Nếu không có bất cứ bất thường, hãy di chuyển chậm về đại lý gần nhất để kiểm tra. 	<p>5</p>  <p>Áp suất nhớt thấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> ☉ Lái xe vào nơi an toàn, kéo phanh tay và bật đèn khẩn cấp ☉ Giữ động cơ hoạt động cầm chừng 3-5 phút & tắt động cơ ☉ Sau khi động cơ nguội, kiểm tra rò rỉ tại cac-te nhớt, thăm mức nhớt động cơ, hệ thống điện... ☉ Có thể châm thêm nhớt nếu không phát hiện bất kỳ rò rỉ nào và di chuyển chậm về đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra và thay thế nhớt mới trước tiếp tục khi vận hành. ☉ <i>Không tiếp tục khởi động động cơ hay di chuyển khi đèn báo áp suất nhớt vẫn sáng vì có thể gây hư hỏng cho động cơ</i>
<p>2</p>  <p>Yêu cầu làm sạch DPD</p>	<ul style="list-style-type: none"> ☉ Đỗ xe vào nơi an toàn, nổ máy cầm chừng và tắt bộ trích công suất động cơ - PTO (nếu có) ☉ Nhấn công tắc DPD (đèn báo dừng nhấp nháy và được hiện sáng liên tục, tốc độ động cơ có thể sẽ thay đổi) ☉ Quá trình làm sạch DPD diễn ra trong khoảng 15-20 phút, cần theo dõi quá trình này liên tục ☉ Khi đèn báo tắt, quá trình làm sạch DPD đã hoàn thành, có thể tiếp tục sử dụng xe bình thường 	<p>6</p>  <p>Quá nhiệt động cơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ☉ Lái xe vào nơi an toàn, kéo phanh tay và bật đèn khẩn cấp ☉ Giữ động cơ hoạt động cầm chừng đến khi kim báo nhiệt độ giảm ☉ Kiểm tra các bất thường trên xe (rò rỉ nước làm mát, bình nước phụ, két nước, đường ống nước, dây đai quạt làm mát, nhớt động cơ...) ☉ Liên hệ ngay với Đại lý Isuzu để được hỗ trợ
<p>3</p>  <p>DPD tự động làm sạch</p>	<ul style="list-style-type: none"> ☉ Hệ thống DPD đang thực hiện làm sạch tự động ☉ Lái xe không cần can thiệp thủ công 	<p>7</p>  <p>Nhắc bảo dưỡng</p>	<ul style="list-style-type: none"> ☉ Đèn báo nhắc bảo dưỡng hiện sáng khi xe cần được bảo dưỡng định kỳ ☉ Hãy mang xe đến đại lý Isuzu sớm nhất có thể để thực hiện việc bảo dưỡng theo khuyến cáo của nhà sản xuất
<p>4</p>  <p>Lọc tách nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> ☉ Lái xe vào nơi an toàn, tắt máy và kéo phanh tay ☉ Xả hết nước trong lọc tách nước và vặn chặt đai ốc xả ☉ Ấn bơm tay (nếu có) khoảng 10 lần ☉ Khởi động lại động cơ ☉ Khi đèn cảnh báo không tắt sau khi đã xả nước, cần khắc phục sớm bằng cách thay lọc tách nước, kiểm tra dây điện hoặc vệ sinh hệ thống nhiên liệu 	<p>8</p>  <p>Áp suất khí nén thấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> ☉ Lái xe vào nơi an toàn, kéo phanh tay và bật đèn khẩn cấp ☉ Giữ động cơ hoạt động cầm chừng để áp suất hơi tăng dần. ☉ Quan sát quá trình nạp hơi. Nếu áp suất hơi không tăng hoặc mất nhiều thời gian để tăng hoặc các kim áp kế khí tăng không đều, cần liên hệ Đại lý Isuzu để được hỗ trợ. ☉ <i>Không lái xe khi đèn báo áp suất khí nén hiện sáng hoặc kim áp kế khí ở trong vùng đỏ. Hệ thống phanh hoạt động không hiệu quả gây nguy hiểm cho việc vận hành xe.</i>

<p>1. Trục các-đăng</p> 	<p>2. Vòng bi chữ thập</p> 	<p>3. Vòng bi ly hợp</p> 	<p>4. Chốt ly hợp dưới</p> 	<p>5. Bơm nước</p> 
<p>Xe FVZ phải vô mỡ tại một vị trí giữa hai cầu sau</p>	<p>Bơm mỡ tại 2/3/4/5 vị trí (xe có 1/2/3/4 trục)</p>	<p>1 vị trí (Hộp số ES1109)</p>	<p>Bôi trơn quanh chốt - 1 vị trí bên phải</p>	<p>1 vị trí</p>
<p>6. Bạc đạn treo các-đăng</p> 	<p>7. Vòng bi moay ơ</p> 	<p>8. Trục quay lái -trái & phải</p> 	<p>9. Đòn lái dọc</p> 	<p>10. Rotuyn lái - trái & phải</p> 
<p>Bơm mỡ tại 1/2/3 vị trí (xe có 2/3/4 trục)</p>	<p>4 đến 6 vị trí</p>	<p>2 vị trí Model FTR/ FVR</p>	<p>2 vị trí (Bỏ qua nếu không có vú mỡ)</p>	<p>1 vị trí</p>
<p>11. Trục lái</p> 	<p>12. Pát treo cabin</p> 	<p>13. Ấc nhíp trước – trái & phải</p> 	<p>14. Ấc đầu nhíp sau – trái & phải</p> 	<p>15. Ấc đuôi nhíp sau – trái & phải</p> 
<p>1 vị trí</p>	<p>1 vị trí</p>	<p>1 vị trí</p>	<p>2 vị trí</p>	<p>1 vị trí</p>
<p>16. Bề mặt tiếp xúc giữa nhíp và cầu xe</p> 	<p>17. Pát treo nhíp sau</p> 	<p>18. Cơ cấu tăng phanh tự động</p> 	<p>Lưu ý: + Điều đặn thực hiện việc kiểm tra và vô mỡ khung gầm của xe tại tất cả các vị trí sau mỗi 5,000 km nhằm đảm bảo tuổi thọ các chi tiết. + Việc vô mỡ vòng bi moay ơ (7) cần phải tháo lắp bánh, hãy để đại lý Isuzu thực hiện việc này.</p>	
<p>2 vị trí tại 2 đầu Model FVM/ FVZ</p>	<p>2 vị trí - trái & phải Model FVR</p>	<p>2 vị trí</p>		

Bộ trích công suất (PTO) là thiết bị trích xuất công sinh ra từ động cơ xe hoặc hộp số để dẫn động các thiết bị phụ trợ khác. Khi cần sử dụng bộ trích công suất (PTO), thực hiện quy trình sau:

1. Bộ PTO dạng cần điều khiển:

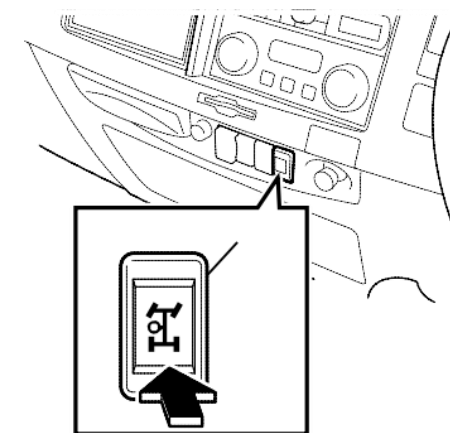
- ☉ Để xe đứng yên, kéo phanh tay với vị trí số ở “N”, sau đó khởi động động cơ
- ☉ Làm nóng động cơ trước khi kết nối PTO
- ☉ Đạp bàn đạp ly hợp, đợi vài giây. Sau đó bấm nút khóa và kéo cần điều khiển xuống dưới vào vị trí Gài để kết nối hoạt động của bộ PTO
- ☉ Nhấc chân từ từ ra khỏi bàn đạp ly hợp
- ☉ Vận hành hệ thống chuyên dùng theo hướng dẫn của nhà sản xuất
- ☉ Để ngắt kết nối PTO, đạp hoàn toàn bàn đạp ly hợp, ấn nút khóa và kéo cần điều khiển về vị trí Ngắt. Nhấc chân ra khỏi bàn đạp ly hợp



Cần điều khiển PTO

2. Bộ PTO dạng nút bấm:

- ☉ Để xe đứng yên, kéo phanh tay với vị trí số ở “N”, sau đó khởi động động cơ
- ☉ Làm nóng động cơ trước khi kết nối PTO
- ☉ Đạp hoàn toàn bàn đạp ly hợp, đợi vài giây sau đó ấn vào nút bấm PTO. Lúc này đèn chỉ báo PTO trên đồng hồ táp-lô sẽ hiện sáng
- ☉ Nhấc chân từ từ ra khỏi bàn đạp ly hợp
- ☉ Vận hành hệ thống chuyên dùng theo hướng dẫn của nhà sản xuất
- ☉ Để ngắt kết nối PTO, đạp hoàn toàn bàn đạp ly hợp, ấn vào nút bấm PTO. Lúc này đèn chỉ báo PTO trên đồng hồ táp-lô sẽ tắt. Nhấc chân ra khỏi bàn đạp ly hợp



PTO dạng nút bấm

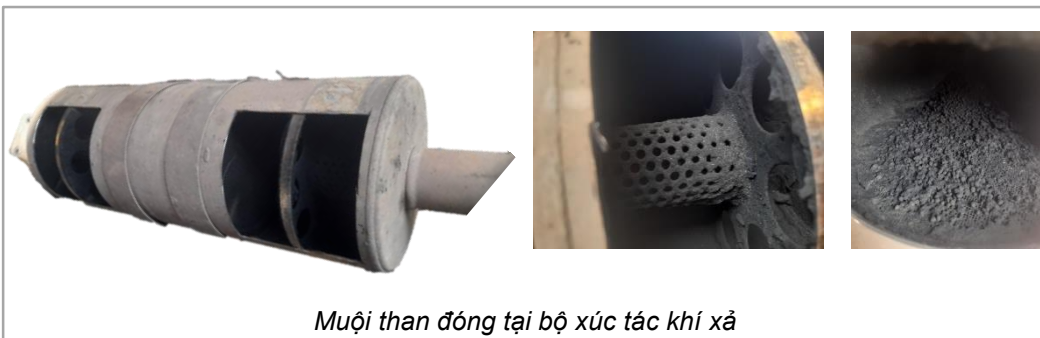
Lưu ý: + Khi di chuyển cần điều khiển, cần bấm vào nút khóa. Nếu không sẽ làm cần điều khiển bị hư hỏng

+ Trước khi cho xe lăn bánh, cần kiểm tra tình trạng các thiết bị chuyên dùng và Cần điều khiển/ nút bấm PTO ở vị trí Ngắt

Đối với các phương tiện được trang bị bộ trích công suất (PTO) hoặc thường xuyên vận hành với tốc độ cảm chừng cao khi xe không di chuyển sẽ được xem là vận hành trong điều kiện khắc nghiệt. Vì vậy cần tuân thủ các khuyến cáo bảo dưỡng trong điều kiện khắc nghiệt. 1 giờ vận hành trong điều kiện trên tương đương 50 km vận hành của xe.

- Nhiên liệu là phần không thể thiếu để đảm bảo sự hoạt động của xe. Cần sử dụng đúng loại dầu diesel theo khuyến cáo của nhà sản xuất cho từng dòng xe để bảo bảo tuổi thọ và khả năng hoạt động của xe.
- Việc sử dụng sai loại nhiên liệu có thể đẩy nhanh quá trình hình thành muội than tại bộ xúc tác khí xả, bộ giải nhiệt, đầu vào, đầu ra khí xả và thậm chí gây bó nghẹt van tuần khí xả.

1. Tác hại khi sử dụng sai loại dầu diesel



2. Hiện tượng

- Đèn Kiểm tra động cơ hiện sáng
- Động cơ rung giật, khó khởi động hoặc chết máy
- Xe không thể tăng tốc hoặc bị giới hạn tốc độ
- Xe không thể leo dốc...



3. Cách khắc phục

- Súc rửa hệ thống tuần hoàn khí xả tại Đại lý ủy quyền của Isuzu
- Thời gian khắc phục khoảng 3-4 giờ

4. Khuyến cáo

Dùng đúng loại dầu diesel cho xe của bạn:

- Dầu **0.05%S** cho xe **Euro 2**
- Dầu **0.005%S** cho xe **Euro 2/4**
- Dầu **0.001%S** cho xe **Euro 2/4/5**

Khuyến cáo thực hiện súc rửa hệ thống tuần hoàn khí xả sau mỗi 80,000 km vận hành của xe (áp dụng cho tất cả xe có trang bị hệ thống tuần hoàn khí xả - EGR)

5. Thông tin hữu ích

Đại lý ủy quyền Isuzu



Cửa hàng xăng dầu Petrolimex



CÁC HẠNG MỤC CẦN KIỂM TRA VÀ THAY THẾ ĐỊNH KỲ Q-SERIES



Đây là khuyến cáo áp dụng cho các phương tiện (Q-Series) vận hành trong điều kiện khắc nghiệt: A: Xe dừng – khởi hành thường xuyên; B: Vận hành trên đường xấu, đèo dốc; C: Vận hành trong khu vực nhiều bụi; D: Đường tuyết hoặc ven biển.

Ngoài ra cần tuân thủ khuyến cáo bảo dưỡng định kỳ cho các hạng mục khác theo Hướng dẫn sử dụng kèm theo xe.

Số	Hạng mục	Chu kì	Điều kiện	Số lượng	Loại
1	Nhớt động cơ (4JH1)	Thay mới mỗi 5,000 km (100 giờ) hoặc 6 tháng	A, C, D	7.6 Lít	10W-30
2	Nhớt hộp số	Kiểm tra: 7,000 km (140 giờ)/ 8 tháng Thay mới mỗi 20,000 km (400 giờ)/ 24 tháng	B, C	2.7 Lít	5W-30
3	Nhớt cầu xe	Kiểm tra: 5,000 km (100 giờ)/ 6 tháng Thay mới mỗi 20,000 km (400 giờ)/ 24 tháng	B	2.7 – 3.0 Lít	80W-90
4	Dầu phanh và ly hợp	Kiểm tra mỗi 10,00 km hoặc 6 tháng Thay mới mỗi 40,000km hoặc 24 tháng	Mọi điều kiện		DOT 3
5	Dầu trợ lực lái	Kiểm tra mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng Thay mới mỗi 40,000km hoặc 24 tháng	Mọi điều kiện	1.5 Lít	ATF III
6	Nước làm mát (4JH1)	Kiểm tra mỗi 12 tháng Thay mới mỗi 24 tháng	Mọi điều kiện	11.3 Lít	
7	Lọc nhớt động cơ	Thay mới mỗi 5,000 km (100 giờ) hoặc 6 tháng	A, C, D	1 cái	
8	Lọc gió	Kiểm tra mỗi 5,000 km (100 giờ) hoặc 6 tháng Thay mới mỗi 20,000 km (400 giờ) hoặc 24 tháng	C	1 cái	
9	Lọc nhiên liệu tinh	Thay mới mỗi 20,000 km (400 giờ) hoặc 12 tháng	Mọi điều kiện	1 cái	
10	Lọc nhiên liệu thô	Thay mới mỗi 20,000 km (400 giờ) hoặc 12 tháng	Mọi điều kiện	1 cái	
11	Tình trạng đường ống xả	Kiểm tra mỗi 10,000 km (200 giờ) hoặc 12 tháng	A, B, D		
12	Trục truyền động, bạc đạn treo	Bơm mỡ mỗi 10,000 km hoặc 12 tháng	B		
13	Rơ lỏng hoặc hư hỏng hệ thống lái	Kiểm tra mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng	B		
14	King pin	Bơm mỡ mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng	B, C, D		
15	Bơm mỡ khung gầm xe	Bơm mỡ mỗi 5,000 km hoặc mỗi tháng	Mọi điều kiện		
16	Độ mòn ổ phanh, trống phanh	Kiểm tra mỗi 10,000 km hoặc 12 tháng	A, B, C		

CÁC HẠNG MỤC CẦN KIỂM TRA VÀ THAY THẾ ĐỊNH KỲ N-SERIES



Đây là khuyến cáo áp dụng cho các phương tiện (N-Series) vận hành trong điều kiện khắc nghiệt: A: Xe dừng – khởi hành thường xuyên; B: Vận hành trên đường xấu, đèo dốc; C: Vận hành trong khu vực nhiều bụi; D: Đường tuyết hoặc ven biển.

Ngoài ra cần tuân thủ khuyến cáo bảo dưỡng định kỳ cho các hạng mục khác theo Hướng dẫn sử dụng kèm theo xe.

Số	Hạng mục	Chu kỳ	Điều kiện	Số lượng	Loại
1	Nhớt động cơ (4JJ1)	Thay mới mỗi 7,500 km (150 giờ) hoặc 12 tháng	A, C, D	10 Lít	10W-30
	Nhớt động cơ (4HK1)	Thay mới mỗi 10,000 km (200 giờ) hoặc 12 tháng		11.5 Lít	
2	Nhớt hộp số	Kiểm tra: 7,000 km (140 giờ)/ 8 tháng Thay mới mỗi 20,000 km (400 giờ)/ 24 tháng	B	2.7 – 3.5 Lít	5W-30
3	Nhớt cầu xe	Kiểm tra: 5,000 km (100 giờ)/ 6 tháng Thay mới mỗi 20,000 km (400 giờ)/ 24 tháng	B	2.7 – 5.5 Lít	80W-90
4	Dầu phanh và ly hợp	Kiểm tra mỗi 15,000 km hoặc 9 tháng Thay mới mỗi 45,000km hoặc 27 tháng	Mọi điều kiện		DOT 3
	Dầu phanh và ly hợp (NQR)	Kiểm tra mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng Thay mới mỗi 40,000km hoặc 24 tháng			
5	Dầu trợ lực lái	Kiểm tra mỗi 15,00 km hoặc 8 tháng Thay mới mỗi 45,000km hoặc 24 tháng	Mọi điều kiện	1.5 Lít	ATF III Dexron III
	Dầu trợ lực lái (NQR)	Kiểm tra mỗi 10,00 km hoặc 6 tháng Thay mới mỗi 40,000km hoặc 24 tháng			
6	Nước làm mát	Kiểm tra mỗi 12 tháng Thay mới mỗi 24 tháng	Mọi điều kiện	4JJ1: 10 Lít 4HK1: 18 Lít	
7	Lọc nhớt động cơ (4JJ1)	Thay mới mỗi 7,500 km (150 giờ) hoặc 12 tháng	A, C, D	1 cái	
	Lọc nhớt động cơ (4HK1)	Thay mới mỗi 10,000 km (200 giờ) hoặc 12 tháng			
8	Lọc gió	Kiểm tra mỗi 5,000 km (100 giờ) hoặc 6 tháng Thay mới mỗi 20,000 km (400 giờ) hoặc 24 tháng	C	1 cái	
9	Lọc nhiên liệu tinh	Thay mới mỗi 20,000 km (400 giờ) hoặc 12 tháng	Mọi điều kiện	1 cái	
10	Lọc nhiên liệu thô	Thay mới mỗi 20,000 km (400 giờ) hoặc 12 tháng	Mọi điều kiện	1 cái	
11	Tình trạng đường ống xả	Kiểm tra mỗi 10,000 km (200 giờ) hoặc 12 tháng	A, B, D		
12	Trục truyền động, bạc đạn treo	Bơm mỡ mỗi 10,000 km hoặc 12 tháng	B		
13	Rơ lỏng hoặc hư hỏng hệ thống lái	Kiểm tra mỗi 7,500 km hoặc 6 tháng	B		
	Rơ lỏng hoặc hư hỏng hệ thống lái (NQR)	Kiểm tra mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng			
14	King pin	Bơm mỡ mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng	B, C, D		
15	Bơm mỡ khung gầm xe	Bơm mỡ mỗi 5,000 km hoặc mỗi tháng	Mọi điều kiện		
16	Độ mòn bộ phanh, trống phanh	Kiểm tra mỗi 10,000 km hoặc 12 tháng	A, B, C		

(Tài liệu tham khảo)

CÁC HẠNG MỤC CẦN KIỂM TRA VÀ THAY THẾ ĐỊNH KỲ F-SERIES



Đây là khuyến cáo áp dụng cho các phương tiện (F-Series) vận hành trong điều kiện khắc nghiệt: A: Xe kéo theo rơ-móc; B: Xe dừng – khởi hành thường xuyên; C: Vận hành trên đường xấu, đèo dốc; D: Vận hành trong khu vực nhiều bụi; E: Đường tuyết hoặc ven biển
Ngoài ra cần tuân thủ khuyến cáo bảo dưỡng định kỳ cho các hạng mục khác theo Hướng dẫn sử dụng kèm theo xe.

Số	Hạng mục	Chu kì	Điều kiện	Số lượng	Loại
1	Nhớt động cơ	Kiểm tra: 5,000 km (100 giờ) hoặc 3 tháng Thay mới lần đầu tại 1,000 km (20 giờ) Thay mới mỗi 10,000 km (200 giờ)/ 6 tháng	A, B, D, E	FRR: 10.5 Lít FV*: 18.5 Lít	10W30
2	Nhớt hộp số (FRR, FVR)	Kiểm tra: 5,000 km (100 giờ) hoặc 3 tháng Thay mới lần đầu tại 1,000 km (20 giờ) Thay mới mỗi 24,000 km (480 giờ) hoặc 15 tháng	A, C	Không PTO: FRR: 4.4 Lít FVR: 5.3 Lít FVM, FVZ: 8.5 Lít Có PTO: FRR: 5.3 Lít FVR: 6.0 Lít FVM, FVZ: 9.0 Lít	80W90
	Nhớt hộp số (FVM, FVZ)	Kiểm tra: 2,000 km (40 giờ) hoặc 1 tháng Thay mới lần đầu tại 1,500 km (30 giờ) Thay mới mỗi 25,000 km (500 giờ) hoặc 15 tháng			
3	Nhớt cầu xe (trừ FVZ)	Kiểm tra: 5,000 km hoặc 3 tháng Thay mới lần đầu tại 1,000 km Thay mới mỗi 24,000 km hoặc 15 tháng	A, C	FRR: 6.5 Lít FVR, FVM: 14 Lít	85W140
	Nhớt cầu xe (FVZ)	Kiểm tra: 5,000 km hoặc 3 tháng Thay mới lần đầu tại 1,000 km Thay mới mỗi 24,000 km hoặc 15 tháng	Mọi điều kiện	Trục giữa: 18 Lít Trục cuối: 12 Lít	
4	Dầu ly hợp	Kiểm tra: 5,000 km hoặc 3 tháng Thay mới mỗi 24,000 km hoặc 15 tháng	B		DOT 3
5	Dầu trợ lực lái	Kiểm tra: 10,000 km hoặc 3 tháng Thay mới mỗi 50,000 km hoặc 15 tháng	Mọi điều kiện	3 Lít	ATF III Dexron III
6	Nước làm mát	Kiểm tra: 12 tháng Thay mới lần đầu tại 200,000 km (4,000 giờ) hoặc 24 tháng Sau đó, thay mới mỗi 600,000 km (12,000 giờ) hoặc 36 tháng	Mọi điều kiện	FRR: 19 Lít FVR: 29.6 Lít FVM: 30.2 Lít FVZ: 30.2 Lít	
7	Lọc nhớt	Thay mới mỗi 10,000 km (200 giờ) hoặc 6 tháng	A, B, D, E	1 cái	
8	Lọc gió	Kiểm tra: 5,000 km (100 giờ) hoặc 3 tháng Thay mới mỗi 24,000 km (480 giờ), 15 tháng hoặc sau 6 lần vệ sinh	D	2 cái	
9	Lọc nhiên liệu tinh	Thay mới mỗi 30,000 km (600 giờ) hoặc 9 tháng	Mọi điều kiện	1 cái	
10	Lọc nhiên liệu thô	Thay mới mỗi 30,000 km (600 giờ) hoặc 9 tháng	Mọi điều kiện	1 cái	
11	Lõi sấy không khí	Thay mới mỗi 100,000 km (2,000 giờ) hoặc 12 tháng	Mọi điều kiện	1 cái	
12	Lọc tách nhớt	Thay mới mỗi 12 tháng	Mọi điều kiện	1 cái	
13	Van chia hơi	Thay mới mỗi 24 tháng	Mọi điều kiện		

(Tài liệu tham khảo)

CÁC HẠNG MỤC CẦN KIỂM TRA VÀ THAY THẾ ĐỊNH KỲ F-SERIES (tt)



Số	Hạng mục	Chu kì	Điều kiện	Số lượng	Loại
14	Bơm mỡ khung gầm xe	Bơm mỡ mỗi 5,000 km hoặc mỗi tháng	Mọi điều kiện		
15	Độ mòn bố phanh	Kiểm tra mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng	A, B, C, D		
16	Độ mòn và hư hỏng trống phanh	Kiểm tra mỗi 20,000 km hoặc 12 tháng	A, B, C, D		
17	Tình trạng đường ống xả	Kiểm tra mỗi 2,000 km (40 giờ) hoặc 3 tháng	A, B, C, E		
18	Độ mòn các khớp và then hoa trục các đăng	Kiểm tra mỗi 24,000 km hoặc 15 tháng	C		
19	Rơ lỏng hoặc hư hỏng hệ thống lái	Kiểm tra lần đầu tại 1,000 km Sau đó kiểm tra mỗi 6,000 km hoặc 9 tháng	C		
20	Bu-long chữ U nhíp	Kiểm tra & siết lực lần đầu tại 1,000 km Sau đó, thực hiện sau mỗi 24,000 km	C		

LƯU Ý ĐỐI VỚI XE ÍT VẬN HÀNH

Áp dụng cho các phương tiện vận hành ít hơn 10 giờ/ tháng

Số	Hạng mục	Nội dung kiểm tra	Chu kỳ
1	Hệ thống truyền động	Khởi động động cơ ở vị trí tay số N. Sau khi khởi động động cơ, giữ động cơ hoạt động ít nhất 3 phút ở tốc độ cầm chừng, sau đó tăng tốc độ động cơ lên 1500 vòng/ phút trong 15 phút, xác nhận động cơ không có tiếng động hay rung bất thường.	Mỗi 1 tháng
		Sau khi làm nóng động cơ, kiểm tra không có rò rỉ nhớt hoặc chất lỏng (động cơ, hộp số, cầu, bánh xe)	Mỗi 3 tháng
2	Hệ thống điều khiển	Sau khi làm nóng động cơ, lái xe cho bánh xe quay ít nhất 1 vòng về phía trước và phía sau. Xác nhận hoạt động của động cơ và cảm giác phanh. Khi động cơ hoạt động ở tốc độ cầm chừng, đánh hết lái sang 2 bên để xác nhận không có tiếng động hay rung bất thường	Mỗi 3 tháng
3	Lốp xe	Kiểm tra áp suất, bề mặt lốp của tất cả các lốp xe (bao gồm bánh dự phòng) và xác nhận tất cả đều ở mức tối đa theo thông số kỹ thuật in trên lốp. Nếu không, cần phải bơm thêm áp suất.	Mỗi 3 tháng
4	Bình điện	Bật ON và kiểm tra các đèn cảnh báo trên taplo. Sau đó khởi động động cơ kiểm tra hoạt động của đồng hồ taplo	Mỗi 1 tuần
		Cho động cơ hoạt động ở tốc độ cầm chừng 3 phút (hệ thống bôi trơn hoạt động) sau đó tăng tốc độ 1200-1500 vòng /phút trong (15-20 phút) để sạc điện cho ắc quy.	Mỗi 1 tuần
		Kiểm tra đèn pha/ cos, demi, đèn thùng, còi, đèn phanh, đèn xinhan, đèn biển số, đèn lùi và xác nhận hoạt động bình thường, bề mặt chụp đèn không vô nước, nứt vỡ, xước.	Mỗi 1 tuần
		Kiểm tra hoạt động của radio, gạt mưa, khóa cửa, dây đai an toàn	Mỗi 1 tuần
5	Vận hành xe	Cho xe lưu thông trên đường từ 1- 2 km, các hệ thống trên xe được hoạt động, các lốp xe được mòn đều	Mỗi 3 tháng
6	Khung, gầm	Tiến hành kiểm tra và bôi trơn theo hạng mục khuyến cáo kiểm tra và thay thế định kỳ, tr.7-10	
7	Bảo dưỡng	Tiến hành kiểm tra và thay thế theo hạng mục khuyến cáo kiểm tra và thay thế định kỳ, tr.7-10	

(Tài liệu tham khảo)